

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

Số: 968 /CBTT-CTN  
V/v công bố Hợp đồng kiểm toán Báo cáo  
tài chính năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

SỐ QUẢN LÝ VĂN BẢN  
VĂN BẢN ĐẾN  
Ngày: 22-07-2019

Số: 16617

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**V/v ký kết hợp đồng soát xét Báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm  
2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

Mã chứng khoán: NQN

Trụ sở: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3835733 Fax: 0203 3835796

Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Văn Tuấn

Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3820 591 Fax: 0203 3835796

Loại thông tin công bố:  Bất thường.

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 19/7/2019, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đã ký Hợp đồng Kiểm toán báo cáo tài chính số 190719.001/HĐTC.KT1 với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 và Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://www.quawaco.com.vn> vào ngày 19/7/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Phòng KHCN (đăng website);
- Lưu: VT, TK1.

**Người thực hiện công bố thông tin  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Văn Tuấn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019**  
**của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**  
**Số: 190719.001/HĐTC.KT1**

**Căn cứ pháp lý:**

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, ngày 24/11/ 2015;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;

- Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/3/2011;

- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/03/2011; Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành điều của luật đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu.

- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh năm 2019 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 10/7/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;

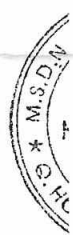
- Căn cứ Thư chào phí dịch vụ soát xét bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 ngày 04/7/2019 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Thư mời thương thảo hợp đồng số 35-CV/CTN-KTT ngày 10/7/2019 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh về việc mời thương thảo hợp đồng gói thầu: Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2019.

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu: Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2019 ngày 11/7/2019 ký giữa Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Quyết định số 35/PDCĐT-TV/CTN-KTT ngày 12/7/2019 của của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh về việc Phê duyệt kết quả chỉ định thầu, gói thầu: Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2019,

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên



Hôm nay, ngày 19 tháng 07 năm 2019, tại Văn phòng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

- Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0203 3835 733

- Fax: 0203 3835 796

- Tài khoản: 111000010511 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

- Mã số thuế: 5700100104

- Đại diện là: Ông **Vũ Văn Tuấn** - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

**BÊN B: CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

- Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 3 8241 990

- Fax: 024 3 8253 973

- Tài khoản: 0301009689689 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

Mã số thuế: 0100111105

Đại diện là: Ông **Phạm Anh Tuấn** - Chức vụ: Phó tổng giám đốc.

*(Theo Giấy ủy quyền số 020119.003/UQ.TH ngày 01/01/2019 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)*

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

**ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh cho năm 2019, bao gồm:

(1) Soát xét Báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2019 và phát hành Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2019;

(2) Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019 và phát hành Báo cáo kiểm toán kèm theo các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

**ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

**2.1. Trách nhiệm của Bên A:**

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

a) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

b) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

c) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều IV của hợp đồng này

## **2.2. Trách nhiệm của Bên B:**

*Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:*

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

*Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:*

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

*Trách nhiệm chung của bên B với công việc kiểm toán và soát xét:*

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một

C.T.  
HẠN  
ÁN  
H.A.N

trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

### **ĐIỀU III. BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Sau khi kết thúc công tác kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A

- Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên 6 tháng đầu năm 2019.
- Báo cáo kiểm toán kèm theo các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Mỗi bộ báo cáo được lập thành 10 bản tiếng Việt; trong đó bên A giữ 08 bản, Bên B giữ 02 bản.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

### **ĐIỀU IV: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

#### **4.1. Phí dịch vụ:**

Giá hợp đồng: 337.700.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng chẵn*).

Trong đó: + Giá trị trước thuế: **307.000.000 đồng**.  
+ Thuế GTGT 10%: **30.700.000 đồng**.

- Giá phí dịch vụ trên đã bao gồm thuế GTGT 10%, các khoản thuế và phí liên quan khác (nếu có) và toàn bộ chi phí để thực hiện toàn bộ các công việc theo hợp đồng.

#### **4.2. Tạm ứng - thanh toán hợp đồng.**

##### *4.2.1. Tạm ứng hợp đồng:*

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B số tiền là **168.850.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*) tương ứng 50 % giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày làm việc khi Bên A nhận được đủ các hồ sơ sau:

- + Hợp đồng dịch vụ kiểm toán.
- + Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B.



4.2.2. Thanh toán hợp đồng:

- Bên A sẽ thanh toán nốt cho Bên B số tiền còn lại là **168.850.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) tương ứng 50% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày làm việc khi Bên A nhận được đủ các hồ sơ sau:

- + Biên bản bàn giao 06 bộ Báo cáo tài chính đã kiểm toán.
- + Biên bản nghiệm thu sản phẩm hoàn thành theo Hợp đồng.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng.
- + Hoá đơn tài chính.
- + Biên bản thanh lý hợp đồng.
- + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

4.2.3. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam.

**ĐIỀU V: CAM KẾT THỰC HIỆN.**

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

**ĐIỀU VI: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG.**

Hợp đồng gồm sáu (06) trang được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ hai (02) bản./.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Vũ Văn Tuấn**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Anh Tuấn**